TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 54/2020/QĐST-HNGĐ	*N, ngày 27 tháng 05 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 299/2019/TLST/HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mai L, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn 4 – Đ, xã Ch, huyện L, tỉnh Hà Nam.

- Bị đơn: Anh Lương Văn T, sinh năm 1978.

Địa chỉ:Thôn Q, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các Điều 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 29, 33, 35, 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 357, 468 Bộ luật dân sự;

Điều 27 Nghị Quyết số 326/216/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 05 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 05 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị Mai L và anh Lương Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1 Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự tự thỏa thuận đề nghị Tòa án ghi nhận: Có 02 con chung là các cháu: Lương Tú A, sinh ngày 15/9/2000 và Lương Khánh H, sinh ngày 16/03/2006.

Chị L được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là cháu Lương Khánh H, sinh ngày 16/03/2006 (hiện nay đang ở cùng với chị L) cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị L.

Sau khi ly hôn anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị L cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

2.2. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận đề nghị Tòa án ghi nhận như sau:

* Anh T được quyền sử dụng 01 thửa đất số 781 tờ bản đồ số 06 bản đồ địa chính xã Q, có diện tích 71,4m2 tại Thôn Q, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình đã được Ủy ban nhân dânhuyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 852443 ngày 30/03/2005 mang tên ông Lương Văn T, bàTrần Thị Mai L và được quyền sở hữu 01 nhà mái bằng 01 tầng có diện tích 70m2 và toàn bộ công trình phụ khép kín xây trên thửa đất trên.

Anh T có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho chị L là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Thời điểm thanh toán là 19/6/2020.

* Chị L được quyền sở hữu số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) do anh T thanh toán.

Nếu đến thời hạn thanh toán 19/6/2020 mà anh T không thanh toán đủ số tiền trên, chị L có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng anh Tuấn còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2.3 Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về Án phí :

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L nhận nộp cả theo quy định của Pháp luật là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Án phí chia tài sản chung:

- Chị L phải nộp là 7.500.000 (Bẩy triệu năm trăm nghìn đồng).

Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 10.300.000đ (Mười triệu ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0000309 ngày

18/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Trả lại cho chị L số tiền 2.650.000 đồng (hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh T phải nộp là 7.500.000 đồng (Bẩy triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh NB;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- UBND xã Ch - H.L - T. Hà Nam;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

(đã ký)

NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUỲNH